

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỐNG NHẤT
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2023/DS-ST
Ngày: 18/9/2023
V/v: “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Lan.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Lan

Bà Phạm Thị Duyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Văn Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 88/2023/TLST-DS ngày 24/02/2023 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2023/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 361/2023/QĐST-DS ngày 29 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Diễm Q, sinh năm 1985

Địa chỉ: Số E1/003A, ấp N, xã Q, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Ngô Phương Hoàng G, sinh năm 1987

Địa chỉ: ấp 3, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai (Theo văn bản ủy quyền ngày 09/3/2023)

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kiều T, sinh năm 1986 và ông Phạm Quốc M, sinh năm 1979; cùng HKTT: số E3/080C, ấp N, xã Q, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

Nơi cư trú: số C1/004A, ấp B, xã Q, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Đỗ Toàn T, sinh năm 1981; địa chỉ: Số E1/003A, ấp N, xã Q, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

(nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/02/2023, Đơn xin thay đổi một phần nội dung yêu cầu khởi kiện ngày 14/3/2023 và lời khai có tại hồ sơ nguyên đơn bà Nguyễn Thị DiễmQ (do bà Ngô Phương Hoàng G làm đại diện) trình bày:**

Bà Nguyễn Thị DiễmQ và ông Phạm Quốc M, bà Nguyễn Thị Kiều T có mối quan hệ quen biết. Do cần vốn làm ăn nên từ ngày 23/6/2019 đến ngày 17/11/2020 bà T và ông M vay bà Q 03 (ba) lần với tổng số tiền 1.300.000.000đ (một tỷ ba trăm triệu đồng) cụ thể từng lần như sau:

Lần thứ nhất: Vào ngày 23/6/2019 bà Q cho bà T, ông M vay số tiền 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng), hai bên không thỏa thuận lãi suất. Mục đích vay tiền để kinh doanh tiệm vàng. Thời hạn thanh toán hai bên thống nhất khi nào bà Q cần báo trước cho ông M và bà T hai tuần. Bà Q đã giao đủ số tiền trên cho ông M, bà T sau đó bà T và ông M có viết cho bà Q một “giấy vay tiền” trong tờ ô ly học sinh. Toàn bộ chữ viết trong “giấy vay tiền” ngày 23/6/2019 là chữ viết của bà T, chữ ký mang tên Nguyễn Thị Kiều T và chữ viết Nguyễn Thị Kiều T phía bên trái tờ ô ly học sinh đề ngày 23/6/2019 là chữ viết và chữ ký của bà T. Chữ ký mang tên Phạm Quốc M và chữ viết Phạm Quốc M phía bên trái tờ ô ly học sinh là chữ ký và chữ viết của ông Phạm Quốc M.

Lần thứ hai: vào ngày 10/6/2020 bà T và ông M tiếp tục vay của bà Q số tiền là 700.000.000đ (bảy trăm triệu đồng). Mục đích vay theo bà T và ông M xác định là kinh doanh tiệm vàng. Sau khi giao nhận tiền xong thì phía ông Phạm Quốc M có viết cho bà Q một tờ “giấy mượn tiền” đề ngày 10/6/2020 vào vở ô ly học sinh. Hai bên không thỏa thuận lãi suất, không có biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Thời hạn trả khi bà Q cần thì báo trước cho ông M bà T một tháng. Toàn bộ nội dung ở mặt thứ nhất tờ ô ly học sinh đề ngày 10/6/2020, chữ ký mang tên Phạm Quốc M và chữ viết Phạm Quốc M là của ông Phạm Quốc M ký và viết ra.

Lần thứ ba: Vào ngày 17/11/2022, ông M và bà T tiếp tục vay thêm của bà Q số tiền 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng). Mục đích vay để kinh doanh tiệm vàng. Sau khi giao tiền thì phía bà T có viết cho bà Q một tờ “Giấy vay tiền” vào tờ giấy ô ly học sinh. Hai bên không thỏa thuận lãi suất. Thời hạn trả thì khi bà Q cần báo trước cho bà T hai ngày bà T sẽ hoàn trả lại.

Đến ngày 20/01/2023 khi bà Q cần tiền nên yêu cầu ông M, bà T thanh toán số tiền 1.300.000.000đ (một tỷ ba trăm triệu đồng) cho bà Q nhưng ông M, bà T không trả.

Nay bà Q yêu cầu ông M và bà T có trách nhiệm thanh toán cho bà Q số tiền 1.300.000.000đ (một tỷ ba trăm triệu đồng). Bà Q không yêu cầu tính lãi đối với số tiền trên.

*** Tại bản tự khai ngày 14/3/2023 bị đơn bà Nguyễn Thị Kiều T và ông Phạm Quốc M trình bày:**

Bà T và ông M thống nhất với lời khai của nguyên đơn. Ông bà thừa nhận có vay của bà Nguyễn Thị DiễmQ tổng cộng 1.300.000.000đ (một tỷ ba trăm triệu đồng) cụ thể:

Ngày 23/6/2019 vay số tiền 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng);

Ngày 10/6/2020 vay số tiền 700.000.000đ (bảy trăm triệu đồng);

Ngày 17/11/2022 vay số tiền 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng).

Mục đích vay theo bà T và ông M xác định vay để kinh doanh tiệm vàng. Hàng tháng bà T và ông M thanh toán cho bàQ 93.000.000đ (chín mươi ba triệu đồng) lãi suất.

Nay bà T và ông M xác nhận còn nợ bàQ 1.300.000.000đ (một tỷ ba trăm triệu đồng) và đồng ý thanh toán số tiền trên cho bàQ.

*** Tại bản tự khai ngày 16/3/2023 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Toàn T trình bày:**

Ông T thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn bà Nguyễn Thị DiễmQ. Ngoài ra không có ý kiến gì khác.

* Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tại phiên tòa: Về thẩm quyền giải quyết, Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất giải quyết là đúng thẩm quyền; Về xác định tư cách tố tụng là đúng; Thời hạn giải quyết đúng quy định; Hồ sơ gửi Viện kiểm sát đúng quy định; Thủ tục tố tụng đạt cho đương sự đúng quy định; Xác M thu thập tài liệu chứng cứ đúng quy định.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Nguyễn Thị Kiều T và ông Phạm Quốc M có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị DiễmQ số tiền nợ 1.300.000.000đ (một tỷ ba trăm triệu đồng).

Về án phí: Ông M, bà T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 272/2023/QĐ-BPKCTT ngày 21/06/2023 của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ”.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật, tư cách đương sự: bà Nguyễn Thị DiễmQ khởi kiện yêu cầu ông Phạm Quốc M và bà Nguyễn Thị Kiều T thanh toán số tiền nợ là 1.300.000.000đ (một tỷ ba trăm triệu đồng) nên quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, bà Nguyễn Thị DiễmQ là nguyên đơn; ông Phạm Quốc M và bà Nguyễn Thị Kiều T là bị đơn; Việc giải quyết vụ án có liên quan đến ông Đỗ Toàn T (chồng bàQ) nên xác định ông T là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn bà ông Phạm Quốc M và bà Nguyễn Thị Kiều T cư trú tại số C1/004A, ấp Bắc Sơn, xã Quang Trung, huyện Thống

Nhất, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ vào các Điều 30, 35, 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất.

[1.3] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt, nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do vậy, căn cứ các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2] Về đánh giá chứng cứ: Nguyên đơn đã nộp tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện là bản chính “Giấy mượn tiền” đề ngày 10/06/2020; “Giấy vay tiền” đề ngày 23/6/2019 và “Giấy vay tiền” đề ngày 17/11/2022 với tổng số tiền vay là 1.300.000.000đ (một tỷ ba trăm triệu đồng). Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Phạm Quốc M và bà Nguyễn Thị Kiều T đã thừa nhận toàn bộ số nợ trên và đồng ý thanh toán cho bàQ. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự: “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, ... mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng M”. Do đó, đây là các tình tiết, sự kiện không phải chứng M. Như vậy, nguyên đơn - bàQ đã cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ chứng M cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Xét yêu cầu khởi kiện nguyên đơn: Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện, bà Nguyễn Thị Kiều T và ông Phạm Quốc M vay tiền của bà Nguyễn Thị DiễmQ với số tiền là 1.300.000.000đ (một tỷ ba trăm triệu đồng), lãi suất theo thỏa thuận. Về thời hạn vay, theo “Giấy mượn tiền” đề ngày 10/06/2020 thỏa thuận thời hạn vay là khi bàQ cần sẽ báo trước 01 tháng; “Giấy vay tiền” đề ngày 23/6/2019 thỏa thuận thời hạn khi nào bàQ lấy lại sẽ báo trước 02 tuần và “Giấy vay tiền” đề ngày 17/11/2022 thỏa thuận khi nào bàQ lấy lại báo trước 02 ngày. Đến thời điểm ngày 20/01/2023 khi cần tiền bàQ đã nhiều lần yêu cầu ông M và bà T thanh toán nhưng ông M bà T không trả nên bàQ đã khởi kiện đến Tòa án yêu cầu ông M, bà T có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ là 1.300.000.000đ (một tỷ ba trăm triệu đồng).

Quá trình giải quyết vụ án, ông M, bà T đã thừa nhận có vay của bàQ số nợ 1.300.000.000đ (một tỷ ba trăm triệu đồng) theo “Giấy mượn tiền” đề ngày 10/06/2020; “Giấy vay tiền” đề ngày 23/6/2019 và “Giấy vay tiền” đề ngày 17/11/2022 nên có đủ cơ sở để xác định việc vay tiền giữa các bên là có thực và yêu cầu của bàQ là có căn cứ.

[3.2] Xét ý kiến của bị đơn: Tại bản tự khai ngày 14/3/2023 bị đơn khai hàng tháng có trả lãi cho bàQ 93.000.000đ/tháng nhưng không được bàQ thừa nhận. Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất đã tổng đạt hợp lệ thông báo yêu cầu cung cấp lời khai giao nộp tài liệu chứng cứ số 01/2023/TB – TA ngày 14/4/2023 yêu cầu bị đơn cung cấp tài liệu chứng cứ chứng M đối với khoản tiền lãi hàng tháng bị đơn thanh toán cho nguyên đơn nhưng phía bị đơn ông M và bà T không cung cấp lời khai và

chứng cứ chứng M cho lời khai của mình là có căn cứ nên không được Hội đồng xem xét giải quyết.

Từ những phân tích trên, xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị DiễmQ buộc ông Phạm Quốc M và bà Nguyễn Thị Kiều T có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ 1.300.000.000đ (một tỷ ba trăm triệu đồng) là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] Về lãi suất: Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn – bà Nguyễn Thị DiễmQ được chấp nhận nên bị đơn ông Phạm Quốc M và bà Nguyễn Thị Kiều T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị DiễmQ.

[5] Về quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất về đường lối giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về quyền kháng cáo, kháng nghị đối với bản án: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 91; khoản 2 Điều 92; khoản 3 Điều 144; Điều 147; Điều 185; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 235; Điều 238; Điều 266; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 357; Điều 463; Điều 466 và khoản 1 Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị DiễmQ về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với bị đơn ông Phạm Quốc M và bà Nguyễn Thị Kiều T.

1. Buộc ông Phạm Quốc M và bà Nguyễn Thị Kiều T có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị DiễmQ số tiền nợ là 1.300.000.000đ (một tỷ ba trăm triệu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự 2015. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền phải xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không

được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Buộc ông Phạm Quốc M và bà Nguyễn Thị Kiều T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là $36.000.000đ + (3\% \times 500.000.000đ) = 51.000.000đ$ (Năm mươi một triệu đồng).

- Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Diễm Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) tại biên lai thu số 009241 ngày 24 tháng 02 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thống Nhất tỉnh Đồng Nai.

3. Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 272/2023/QĐ-BPKCTT ngày 21/06/2023 của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ”.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị đối với bản án: Nguyên đơn và bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND H. Thống Nhất;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- THADS H. Thống Nhất;
- Các đương sự;
- Lưu HS; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Lan